

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Kim Hiệu

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 276/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị V A; nơi cư trú: Tổ 16 khu 1, phường V, quận L, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Q; nơi cư trú: Số 9 tổ 6, phường H, quận D, thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị V A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q xây dựng gia đình trên tinh thần tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 6 năm 2013 tại UBND phường V, quận L, thành phố H. Vợ chồng chung

sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát, không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là V, sinh ngày 17-4-2013. Khi ly hôn, chị VA đề nghị được nuôi con chung V. Tiền cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải Q.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải Q.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải Q vụ án, bị đơn là anh Q trình bày: Thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống chị VA trình bày là đúng. Tuy nhiên anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh và chị VA có 01 con chung là V, sinh ngày 17-4-2013. Anh Q đề nghị được nhận nuôi cháu Khánh Vy.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải Q

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị VA và anh Q sinh sống thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và chị VA đã về nhà mẹ đẻ sinh sống khoảng 02 (hai) năm nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Q vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị VA vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và trong quá trình giải Q vụ án; đề nghị được ly hôn anh Q và đề nghị được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Q có ý kiến: không đồng ý với lý do mâu thuẫn do chị VA trình bày và không đồng ý ly hôn; trường hợp chị VA kiên Q ly hôn nếu để anh nuôi con chung, anh sẽ đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải Q vụ án và ý kiến về việc giải Q vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị VA được ly hôn anh Q và giao con chung V, sinh ngày 17-4-2013 cho chị VA trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị VA không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị VA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải Q: Chị V A và anh Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận L, thành phố H năm 2013; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị V A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải Q việc ly hôn, anh Q hiện đang cư trú tại phường H, quận D, thành phố H, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị V A và anh Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại, chị VA và con gái đang ở nhờ nhà mẹ đẻ chị VA. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: Chị VA và anh Q xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, chị VA và anh Q đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải song do anh Q vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị VA vẫn kiên Q xin ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị VA về việc xin ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[3] Chị VA và anh Q có 01 con chung là V, sinh ngày 17-4-2013. Cháu Khánh Vy hiện đang ở với chị VA. Tại phiên tòa, chị VA và anh Q đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả anh Q và chị VA đều có điều kiện về vật chất để trực tiếp nuôi

con chung. Tuy nhiên việc giao con chung cho bố hay mẹ trực tiếp nuôi con khi ly hôn cần xem xét quyền lợi mọi mặt của con, cháu Vy đã đủ 07 tuổi trở lên nên cần xem xét cả nguyện vọng của cháu. Cháu Vy từ khi anh chị VA, Q sống ly thân vẫn ở với chị VA, chị VA vẫn đảm bảo việc chăm sóc nuôi dạy con; cháu Vy cũng có đơn trình bày mong muốn ở với mẹ; mặt khác cháu là con gái nên cần nhiều sự chăm sóc giáo dục của mẹ. Do đó, đề nghị của chị VA và cháu Khánh Vy là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị VA chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[4] Chị VA và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[5] Chị VA là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[6] Chị VA và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị V A được ly hôn anh Q.

2. Về con chung: Giao cho chị V A trực tiếp nuôi con chung V, sinh ngày 17- 4- 2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị VA có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị VA và anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải Q. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi anh Q và chị VA có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị V A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0013404 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị V A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị V A và anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường V, quận L, tp H (ĐKKH số 72/2013.Q01/2012-2013);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung